

# KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NHỰA Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**ĐẶNG THỊ MAI**

Phân hiệu Học viện Tài chính tại Tỉnh Hưng Yên

Academy of Finance - Hung Yen Campus

Email: dangthimai@hvtc.edu.vn

Ngày nhận bài: 1/6/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/6/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 3/7/2026

---

## Tóm tắt:

Kế toán trách nhiệm là công cụ hỗ trợ kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Nghiên cứu đánh giá thực trạng áp dụng tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa miền Bắc Việt Nam thông qua khảo sát 455 nhà quản lý và kế toán trưởng thuộc 240 doanh nghiệp. Kết quả cho thấy, các doanh nghiệp đã bước đầu xây dựng trung tâm trách nhiệm, lập dự toán và báo cáo quản trị. Tuy nhiên, phân cấp quản lý, đánh giá trách nhiệm, hệ thống báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin vẫn còn hạn chế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hoàn thiện phân cấp quản lý, hệ thống trung tâm trách nhiệm, báo cáo trách nhiệm, ứng dụng ERP và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán quản trị.

**Từ khóa:** doanh nghiệp sản xuất nhựa, kế toán quản trị, kế toán trách nhiệm, miền Bắc Việt Nam, trung tâm trách nhiệm.

---

## Responsibility accounting in plastic manufacturing enterprises in Northern Vietnam: Current status and solutions

### Abstract:

Responsibility accounting supports cost control, managerial decentralization, and performance evaluation. This study assesses its implementation in plastic manufacturing enterprises in Northern Vietnam through a survey of 455 managers and chief accountants from 240 firms. The findings show that enterprises have initially established responsibility centers, budgets, and internal management reports. However, managerial decentralization remains unclear, responsibility centers are incomplete, performance evaluation relies mainly on financial indicators, and information technology applications remain limited. Cost centers are the most widely adopted, whereas investment centers are rarely established. The study recommends clarifying managerial authority and accountability, developing comprehensive responsibility centers, applying flexible budgeting, combining financial and non-financial performance indicators, improving responsibility reports, adopting ERP systems, and strengthening management accounting competencies. These measures can improve information quality, cost control, operational performance, and competitiveness.

**Keywords:** plastic manufacturing enterprises, management accounting, responsibility accounting, Northern Vietnam, responsibility centers.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng và yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị, các doanh nghiệp sản xuất cần xây dựng hệ thống quản trị phù hợp nhằm kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tăng cường năng lực cạnh tranh. Kế toán trách nhiệm là một nội dung quan trọng của kế toán quản trị, cung cấp thông tin phục vụ phân cấp quản lý, đánh giá kết quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm và hỗ trợ nhà quản trị trong quá trình ra quyết định. Về phương diện lý luận, nghiên cứu kế toán trách nhiệm góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Về phương diện thực tiễn, việc tổ chức và vận hành hiệu quả hệ thống kế toán trách nhiệm có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa khu vực miền Bắc Việt Nam, việc áp dụng kế toán trách nhiệm vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện ở việc phân cấp quản lý chưa rõ ràng, tổ chức các trung tâm trách nhiệm chưa đầy đủ và hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu quản trị. Thực trạng này đặt ra yêu cầu nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm, phân tích các nguyên nhân của những hạn chế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện phù hợp với đặc điểm của các doanh nghiệp sản xuất nhựa miền Bắc Việt Nam, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh.

## 2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

#### 2.1.1. Các nghiên cứu quốc tế

Kế toán trách nhiệm được nghiên cứu từ sớm. Anthony (1965) và Higgins (1952) nhấn mạnh vai trò thu thập thông tin, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả quản lý theo trung tâm trách nhiệm. Horngren, Datar và Rajan (2018) cho thấy, công cụ này hỗ trợ đánh giá hiệu quả qua các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính. Kaplan và Atkinson (2015), Drury (2018) đề cao vai trò của ERP, KPI và Balanced Scorecard trong nâng cao hiệu quả kế toán trách nhiệm. Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đã xây dựng nền tảng lý luận khá hoàn chỉnh, nhưng cần điều chỉnh phù hợp với điều kiện doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2.1.2. Các nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, kế toán trách nhiệm được quan tâm từ những năm 2000 cùng với sự phát triển của kế toán quản trị. Phạm Văn Dược và cộng sự (2015) cho thấy, việc áp dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam vẫn còn ở mức sơ khai.

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện ở các ngành khác nhau như: Trần Trung Tuấn (2015) đối với doanh nghiệp xi măng; Trần Thị Hồng Mai (2018) với doanh nghiệp dệt may; Lê Thị Thanh Hải (2020) trong doanh nghiệp xây dựng; Nguyễn Văn Công (2021) và Trần Quốc Bảo (2022) trong doanh nghiệp chế biến thực phẩm. Chu Thị Huyền (2021) nghiên cứu kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp sản xuất ô tô... Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều doanh nghiệp còn hạn chế về phân cấp quản lý, chỉ tiêu đánh giá và nguồn nhân lực kế toán quản trị.

#### 2.1.3. Khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, chưa có công trình nào về kế toán trách nhiệm trong bối cảnh chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa ở miền Bắc Việt Nam. Đây là khoảng trống mà nghiên cứu hướng tới bổ sung.

## 2.2. Cơ sở lý thuyết

### 2.2.1. Bản chất kế toán trách nhiệm

Kế toán trách nhiệm được nhiều nhà nghiên cứu và tổ chức nghề nghiệp tiếp cận dưới các góc độ khác nhau. Theo Anthony A. Atkinson (2012), đây là hệ thống đo lường kế hoạch, dự toán và kết quả của từng trung tâm trách nhiệm; trong khi Hansen và Mowen (2009) nhấn mạnh việc đánh giá kết quả thông qua so sánh với mục tiêu hoặc dự toán.

Theo CIMA, kế toán trách nhiệm là hệ thống tập hợp doanh thu, chi phí theo từng bộ phận để đánh giá trách nhiệm quản lý. AAA (1972) coi đây là hệ thống xác định các trung tâm ra quyết định và quy trách nhiệm về doanh thu, chi phí cho nhà quản trị.

Tại Việt Nam, các tác giả như Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2013), Phạm Văn Dược và Đặng Kim Cương (2011), Nguyễn Tấn Bình (2018) đều cho thấy, kế toán trách nhiệm là một bộ phận của kế toán quản trị, thực hiện thu thập, xử lý và báo cáo thông tin theo từng trung tâm trách nhiệm nhằm kiểm soát, đánh giá trách nhiệm quản lý và kết quả hoạt động.

Từ các quan điểm trên có thể hiểu, kế toán trách nhiệm là bộ phận của kế toán quản trị được tổ chức theo các trung tâm trách nhiệm để thu thập, phân tích và báo cáo thông tin phục vụ đánh giá kết quả quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

### 2.2.2. Nội dung kế toán trách nhiệm

Theo Nguyễn Vũ Việt & Mai Ngọc Anh (2020), kế toán trách nhiệm thường bao gồm các nội dung:

- Nhận diện, phân loại các trung tâm trách nhiệm.
- Xây dựng định mức, lập dự toán các trung tâm trách nhiệm.
- Thu thập, xử lý thông tin kế toán trách nhiệm.
- Báo cáo kế toán trách nhiệm.
- Đánh giá thành quả ở các trung tâm trách nhiệm.

Trong bài viết này, tác giả tiếp cận một số nội dung sau tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa: xác định trung tâm trách nhiệm, lập dự toán các trung tâm trách nhiệm; xây dựng báo cáo trách nhiệm và đánh giá thành quả quản lý. Các chỉ tiêu đánh giá có thể là chỉ tiêu tài chính như chi phí, doanh thu, lợi nhuận, ROI, RI và các chỉ tiêu phi tài chính như năng suất lao động, tỷ lệ sản phẩm lỗi, mức độ hài lòng của khách hàng.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua khảo sát trực tuyến, phỏng vấn, quan sát và tham vấn chuyên gia là các nhà quản lý, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất nhựa. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ tài liệu nội bộ, quy chế, điều lệ và báo cáo kế toán.

Theo Cục Thống kê, năm 2024, Việt Nam có khoảng 4.000 doanh nghiệp ngành nhựa. Hiệp hội Nhựa Việt Nam, đến năm 2026 có khoảng 6.000 doanh nghiệp, phân bố chủ yếu ở miền Nam (80%), miền Bắc (15%) và miền Trung (5%). Nghiên cứu chỉ xem xét doanh nghiệp sản xuất nhựa; sau khi loại trừ doanh nghiệp bao bì, tái chế và thương mại nhựa, số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm khác từ plastic (mã ngành 22209) tại miền Bắc ước khoảng 600-900 doanh nghiệp vào cuối năm 2025. Trên cơ sở đó, cỡ mẫu được xác định theo công thức Yamane (1967).

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu khảo sát
- N: tổng số doanh nghiệp trong tổng thể
- e: sai số cho phép

Giả sử tổng thể nghiên cứu có khoảng: N = 600 doanh nghiệp, Chọn e = 5% = 0,05

Khi đó:  $n = 600 / (1 + 600 \times 0,05^2) \approx 240$  doanh nghiệp.

Nghiên cứu khảo sát 240 doanh nghiệp, tương ứng 480 phiếu từ nhà quản lý và kế toán trưởng. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, phân tích tỷ lệ và so sánh nhằm đánh giá mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm. Kết quả thu được 466 phiếu (97,08%), trong đó 455 phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Tổng quan về các doanh nghiệp sản xuất nhựa ở miền Bắc

Ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng nhanh, tập trung chủ yếu ở miền Nam và miền Bắc, đặc biệt tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên và Vĩnh Phúc. Theo Cục Thống kê, năm 2024 vùng Đồng bằng sông

Hồng có khoảng 48 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 30,5% cả nước, trong đó doanh nghiệp ngành nhựa giữ tỷ trọng đáng kể trong lĩnh vực chế biến, chế tạo.

Các doanh nghiệp nhựa miền Bắc chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với vốn điều lệ 20-200 tỷ đồng và 100-500 lao động, cùng một số doanh nghiệp FDI. Do chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm 65-75% tổng chi phí sản xuất, doanh nghiệp chịu áp lực lớn về giá cả và cạnh tranh, đòi hỏi tăng cường kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và áp dụng kế toán trách nhiệm.

### 3.2. Thực trạng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa ở miền Bắc Việt Nam

#### 3.2.1. Thực trạng tổ chức trung tâm trách nhiệm

**Bảng 1. Tổ chức trung tâm trách nhiệm**

| STT | Câu hỏi                                                               | Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Bình thường (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------------|------------|----------------------|
| 1   | Doanh nghiệp đã phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận | 1.10                       | 8.35             | 21.98           | 51.65      | 16.92                |
| 2   | Doanh nghiệp đã xây dựng các trung tâm trách nhiệm chính thức         | 1.54                       | 25.27            | 29.89           | 34.07      | 9.23                 |
| 3   | Bộ phận sản xuất được tổ chức như trung tâm chi phí                   | 0.88                       | 2.42             | 14.95           | 70.33      | 11.43                |
| 4   | Bộ phận kinh doanh được tổ chức như trung tâm doanh thu               | 1.54                       | 15.82            | 25.27           | 50.33      | 7.03                 |
| 5   | Doanh nghiệp đã tổ chức trung tâm lợi nhuận đầy đủ                    | 2.86                       | 14.73            | 50.55           | 23.30      | 8.57                 |
| 6   | Doanh nghiệp đã tổ chức trung tâm đầu tư chính thức                   | 5.05                       | 51.65            | 37.14           | 2.86       | 3.30                 |

(Nguồn: Tác giả khảo sát và tổng hợp)

Kết quả khảo sát cho thấy, 68,57% doanh nghiệp đã tổ chức các bộ phận quản lý theo chức năng, nhưng chỉ 43,3% xây dựng rõ ràng hệ thống trung tâm trách nhiệm.

Trong các loại trung tâm trách nhiệm, trung tâm chi phí được áp dụng nhiều nhất (81,76%), chủ yếu tại phân xưởng sản xuất và bộ phận quản lý nguyên vật liệu. Tỷ lệ áp dụng trung tâm doanh thu và trung tâm lợi nhuận lần lượt là 57,36% và 31,87%, trong khi trung tâm đầu tư hầu như chưa được triển khai. Việc chưa xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của nhà quản lý bộ phận gây khó khăn cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động.

#### 3.2.2. Thực trạng lập dự toán và kiểm soát chi phí

**Bảng 2. Lập dự toán và kiểm soát chi phí**

| STT | Câu hỏi                                            | Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Bình thường (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
|-----|----------------------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------------|------------|----------------------|
| 1   | Doanh nghiệp lập dự toán chi phí hàng năm          | 1.10                       | 3.30             | 21.98           | 56.70      | 16.92                |
| 2   | Doanh nghiệp có lập dự toán linh hoạt              | 4.62                       | 43.74            | 38.02           | 10.55      | 3.08                 |
| 3   | Dự toán được xây dựng trên cơ sở định mức khoa học | 1.54                       | 13.41            | 25.27           | 51.87      | 7.91                 |

|   |                                                               |      |       |       |       |      |
|---|---------------------------------------------------------------|------|-------|-------|-------|------|
| 4 | Doanh nghiệp thực hiện phân tích biến động chi phí hàng tháng | 2.86 | 5.93  | 51.87 | 32.09 | 7.25 |
| 5 | Doanh nghiệp có hệ thống định mức chi phí đầy đủ              | 5.93 | 20.00 | 25.27 | 47.47 | 1.32 |
| 6 | Kết quả phân tích chi phí được sử dụng để đánh giá quản lý    | 2.86 | 4.84  | 51.87 | 33.19 | 7.25 |

*Nguồn: Tác giả khảo sát và tổng hợp*

Kết quả khảo sát cho thấy, 73,63% doanh nghiệp lập dự toán chi phí sản xuất hằng năm, nhưng chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và số liệu quá khứ, chưa áp dụng dự toán linh hoạt.

Chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung được kiểm soát tương đối chặt chẽ, song việc phân tích chênh lệch theo từng trung tâm trách nhiệm còn hạn chế. Chỉ 39,34% doanh nghiệp thực hiện phân tích biến động chi phí hàng tháng và khoảng 26% chưa xây dựng định mức chi phí rõ ràng.

### 3.2.3. Thực trạng hệ thống báo cáo trách nhiệm

**Bảng 3. Hệ thống báo cáo trách nhiệm và ứng dụng công nghệ thông tin**

| STT | Câu hỏi                                                                                                                                 | Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Bình thường (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------------|------------|----------------------|
| 1   | Doanh nghiệp lập báo cáo quản trị nội bộ định kỳ                                                                                        | 1.54                       | 12.09            | 25.27           | 53.19      | 7.91                 |
| 2   | Báo cáo được lập theo từng bộ phận chịu trách nhiệm                                                                                     | 9.01                       | 34.07            | 27.91           | 26.59      | 2.42                 |
| 3   | Báo cáo cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý                                                                                     | 1.54                       | 12.09            | 30.11           | 49.67      | 6.59                 |
| 4   | Doanh nghiệp sử dụng chỉ tiêu phi tài chính (như năng suất lao động, tỷ lệ sản phẩm lỗi, mức độ hài lòng của khách hàng) trong đánh giá | 3.30                       | 10.99            | 52.31           | 30.55      | 2.86                 |
| 5   | Thông tin báo cáo hỗ trợ ra quyết định quản trị hiệu quả                                                                                | 5.93                       | 19.34            | 25.93           | 47.47      | 1.32                 |
| 6   | Doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán phục vụ quản trị                                                                                  | 0.44                       | 9.45             | 24.84           | 57.36      | 7.91                 |
| 7   | Doanh nghiệp đã triển khai hệ thống ERP                                                                                                 | 11.21                      | 43.74            | 17.80           | 22.20      | 5.05                 |
| 8   | Dữ liệu kế toán được cập nhật theo thời gian thực                                                                                       | 2.42                       | 15.16            | 51.65           | 28.35      | 2.42                 |
| 9   | Hệ thống CNTT hỗ trợ đánh giá trách nhiệm các bộ phận                                                                                   | 1.54                       | 15.38            | 46.37           | 35.38      | 1.32                 |
| 10  | Doanh nghiệp có kế hoạch đầu tư chuyển đổi số trong quản trị                                                                            | 1.10                       | 10.77            | 25.27           | 54.73      | 8.13                 |

*Nguồn: Tác giả khảo sát và tổng hợp*

Kết quả khảo sát cho thấy, 61,1% doanh nghiệp lập báo cáo quản trị nội bộ, nhưng chủ yếu phản ánh doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung, chưa gắn với từng trung tâm trách nhiệm. Chỉ 29,01% doanh nghiệp xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả bộ phận và 33,41% sử dụng các chỉ tiêu phi tài chính như tỷ lệ sản phẩm lỗi, mức tiêu hao nguyên vật liệu hoặc hiệu suất máy móc.

Nhiều doanh nghiệp vẫn sử dụng Excel thay vì ERP hoặc phần mềm kế toán quản trị, làm hạn chế tính kịp thời và chính xác của thông tin. Một số doanh nghiệp lớn đã triển khai kế toán trách nhiệm. Tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong, các trung tâm chi phí và doanh thu đã được hình thành, kết hợp với hệ thống ERP để theo dõi chi phí và hiệu quả sản xuất theo thời gian thực.

Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả quản lý vẫn chủ yếu dựa trên các chỉ tiêu tài chính; các chỉ tiêu phi tài chính chưa được áp dụng đồng bộ và một số bộ phận chưa được trao quyền tự chủ đầy đủ về ngân sách.

### **3.3. Đánh giá thực trạng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp sản xuất nhựa ở miền Bắc Việt Nam**

#### **3.3.1. Ưu điểm**

Các doanh nghiệp sản xuất nhựa miền Bắc đã bước đầu áp dụng kế toán trách nhiệm thông qua phân cấp quản lý, lập dự toán chi phí và ứng dụng ERP ở một số doanh nghiệp lớn, góp phần nâng cao kiểm soát và cung cấp thông tin quản trị.

#### **3.3.2. Hạn chế**

Nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng đầy đủ hệ thống trung tâm trách nhiệm và cơ chế đánh giá cho từng bộ phận. Báo cáo trách nhiệm chủ yếu tập trung vào chỉ tiêu tài chính, trong khi các chỉ tiêu phi tài chính còn ít được sử dụng. Ngoài ra, năng lực kế toán quản trị và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt ở doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế.

#### **3.3.3. Nguyên nhân của hạn chế**

Nguyên nhân chủ yếu là nhận thức của nhà quản lý về kế toán trách nhiệm chưa đầy đủ và còn ưu tiên kế toán tài chính. Bên cạnh đó, chi phí đầu tư ERP và đào tạo nhân lực cao, trong khi nguồn lực tài chính hạn chế. Áp lực cạnh tranh và biến động nguyên vật liệu cũng khiến doanh nghiệp tập trung vào mục tiêu ngắn hạn hơn là hoàn thiện hệ thống quản trị.

### **3.4. Giải pháp hoàn thiện kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa ở miền Bắc**

*Thứ nhất*, hoàn thiện phân cấp quản lý và xác định rõ trách nhiệm các bộ phận.

*Thứ hai*, xây dựng đầy đủ trung tâm trách nhiệm và chỉ tiêu đánh giá phù hợp với quyền hạn quản lý.

*Thứ ba*, hoàn thiện dự toán, áp dụng dự toán linh hoạt và phân tích biến động để kiểm soát chi phí.

*Thứ tư*, xây dựng báo cáo trách nhiệm kết hợp chỉ tiêu tài chính và phi tài chính.

*Thứ năm*, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và ERP nhằm nâng cao chất lượng thông tin quản trị.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh đào tạo về kế toán trách nhiệm, quản trị chi phí và phân tích dữ liệu cho đội ngũ kế toán.

*Thứ bảy*, Nhà nước và hiệp hội ngành nghề cần hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi số, đào tạo quản trị và xây dựng mô hình quản lý phù hợp.

### **4. Kết luận và khuyến nghị**

Kết quả nghiên cứu cho thấy kế toán trách nhiệm có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất nhựa khu vực miền Bắc Việt Nam. Mặc dù các doanh nghiệp đã bước đầu triển khai kế toán trách nhiệm thông qua phân cấp quản lý và xây dựng hệ thống báo cáo nội bộ, việc áp dụng vẫn còn những hạn chế về tổ chức trung tâm trách nhiệm, hệ thống chỉ tiêu đánh giá và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán quản trị.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán trách nhiệm, bao gồm: hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm của từng cấp quản lý; xây dựng đầy đủ các trung

tâm trách nhiệm; hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, báo cáo đánh giá; đồng thời tăng cường ứng dụng ERP và các giải pháp chuyển đổi số để nâng cao chất lượng thông tin kế toán quản trị. Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển năng lực đội ngũ kế toán quản trị và tăng cường hỗ trợ từ cơ quan quản lý, hiệp hội ngành nghề trong công tác đào tạo và chuyển đổi số.

Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp sản xuất nhựa tại Việt Nam. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát và làm rõ hơn tác động của chuyển đổi số đối với việc tổ chức và vận hành hệ thống kế toán trách nhiệm ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Chu Thị Huyền (2021). Kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài chính.
- Cục Thống kê (2025). Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>.
- Cục Thống kê (2025). Tình hình doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường năm 2024. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/tinh-hinh-doanh-nghiep-gia-nhap-va-tai-gia-nhap-thi-truong-nam-2024/>.
- Lê Thị Thanh Hải (2020). Hoàn thiện kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp xây dựng. Tạp chí Tài chính, (8), 51-56.
- Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013). Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Nguyễn Tấn Bình (2018). Kế toán quản trị. Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Văn Công (2021). Kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, (5), 35-40.
- Nguyễn Vũ Việt, Mai Ngọc Anh. (2020). Kế toán quản trị doanh nghiệp. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Phạm Văn Dược, cộng sự. (2015). Kế toán quản trị. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
- Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương (2011). Kế toán quản trị. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Trần Thị Hồng Mai (2018). Kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Tạp chí Công Thương, số 12 tháng 6/2018, 44-49.
- American Accounting Association (1972). Report of the Committee on Concepts and Standards for External Financial Reports. American Accounting Association.
- Anthony R. N. (1965). Planning and control systems: A framework for analysis. Harvard University Press, UK.
- Atkinson A. A., Kaplan R. S., Matsumura E. M., & Young S. M. (2012). Management accounting: Information for decision-making and strategy execution (6th ed.). Pearson Education, UK.
- Drury C. (2018). Management and cost accounting (10th ed.). Cengage Learning, UK.
- Hansen D. R., Mowen M. M., & Guan L. (2009). Cost management: Accounting and control (6th ed.). South-Western Cengage Learning, UK.
- Higgins J. A. (1952). Responsibility accounting. Accounting Review, 27(3), 469-473.
- Hornigren C. T., Datar S. M., & Rajan M. V. (2018). Cost accounting: A managerial emphasis (16th ed.). Pearson, UK.
- Kaplan R. S., & Atkinson A. A. (2015). Advanced management accounting (3rd ed.). Pearson Education, UK.
- Yamane T. (1967). Statistics: An introductory analysis (2nd ed.). Harper & Row, UK.